

HỢP TÁC GIỮA CƠ SỞ GIÁO DỤC VÀ DOANH NGHIỆP ĐỂ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO TỈNH NGHỆ AN

■ Hồ Thị Hiền, Trần Thị Vân, Lê Thị Trang
Trường Đại học Kinh tế Nghệ An

Đào tạo nghề điện tại Trường Cao đẳng Việt - Đức Nghệ An



Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của một địa phương, nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao luôn có vai trò rất quan trọng, là nhân tố tạo động lực thúc đẩy quá trình phát triển đó. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao được xem là yếu tố nòng cốt đảm bảo cho nền kinh tế phát triển, hội nhập sâu rộng, bền vững, ổn định trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức thời đại mới. Vì vậy, để có được một đội ngũ nhân lực chất lượng cao, năng suất lao động đạt kết quả cao cần phải có những chính sách về đào tạo, thu hút và phát triển nhân lực, trong đó mối quan hệ hợp tác “cơ sở giáo dục - doanh nghiệp” cần được quan tâm nhằm phát triển kỹ năng nghề nghiệp, đáp ứng sự đổi mới nhanh chóng của công nghệ hiện đại và ngành nghề liên quan sau tốt nghiệp.

1. Hợp tác “cơ sở giáo dục - doanh nghiệp”

Mô hình hợp tác, đối tác “cơ sở giáo dục - cộng đồng doanh nghiệp” là hợp tác giữa giáo dục chính quy với cộng đồng doanh nghiệp nhằm tạo môi trường hỗ trợ sinh viên tích lũy trải nghiệm công việc, kiến thức, kỹ năng và thái độ phù hợp việc làm. Thông qua mô hình hợp tác này, nhà trường trang bị cho sinh viên những kỹ năng nghề nghiệp thích hợp. Vì vậy, chiến lược mở rộng hợp tác phát triển của cộng đồng doanh nghiệp tích cực tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp để bổ sung kinh nghiệm ngoài giảng dạy trên lớp nhằm giúp thầy và trò làm quen với kỹ năng dạy và làm việc thực tiễn của doanh nghiệp ngày càng được mở rộng. Giáo viên và nhà quản lý giáo dục nghề nghiệp phải đổi mới trong quan hệ hợp tác, đối tác với cộng đồng doanh nghiệp để đạt mục tiêu đào tạo, nâng cao chất lượng đào tạo, gắn kết đào tạo với sử dụng. Sự hợp tác này được thực hiện bằng cách tổ chức cho sinh viên tham quan doanh nghiệp; doanh nghiệp tham gia trợ giảng cho nhà trường; tham gia cung cấp trang thiết bị và nguồn nhân lực để phát triển kỹ năng... Đây chính là nền tảng cho việc xác định chiến lược xây dựng hợp tác, đối tác giữa cơ sở giáo dục và cộng đồng doanh nghiệp nhằm phát triển kỹ năng cho sinh viên, đáp ứng nhu cầu thị trường lao động cần hướng đến.

Trên thực tế, vẫn tồn tại một số vấn đề như: chương trình giáo dục nghề nghiệp chưa thật hiệu quả, cần thiết theo yêu cầu của doanh nghiệp và tạo điều kiện cho sinh viên đến làm việc sau tốt nghiệp. Chính sự không phù hợp này góp phần làm tăng tình trạng thất nghiệp, nghèo đói và tăng trưởng kinh tế thấp ở các quốc gia. Do vậy, việc áp dụng mô hình hợp tác, đối tác “cơ sở giáo dục - cộng đồng doanh nghiệp” sẽ giúp sinh viên có cơ hội được đào tạo với thiết bị, vật liệu và môi trường thích hợp nhằm giảm bớt hoặc thậm chí loại bỏ khoảng cách giữa học “chay” trên lớp với tiếp cận theo nhu cầu phát

triển kỹ năng nghề nghiệp thỏa mãn nhu cầu xã hội.

2. Thực tiễn phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở Nghệ An

Cùng với xu thế và yêu cầu phát triển, nhu cầu về nhân lực, trong đó có nhân lực chất lượng cao ở Nghệ An tăng lên trong những năm vừa qua.

Theo số liệu thống kê của Cục Thống kê tỉnh Nghệ An, tính đến năm 2020, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của tỉnh Nghệ An là 1.926,9 nghìn người, tăng 0,05% (+878 người) so với năm 2019, trong đó: lao động nam là 980,0 nghìn người, chiếm 50,90%; lao động nữ là 946,9 nghìn người, chiếm 49,10%; lực lượng lao động ở khu vực thành thị là 236,0 nghìn người, chiếm 12,30%; lực lượng lao động ở nông thôn là 1.690,9 nghìn người, chiếm 87,70%. Tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi năm 2020 là 1,26%; trong đó: khu vực thành thị là 2,99%; khu vực nông thôn là 1,01%. Tỷ lệ thiếu việc làm của lực lượng lao động trong độ tuổi là 2,58%; trong đó: khu vực thành thị là 0,94%; khu vực nông thôn là 2,81%. Trong năm 2020 đã cấp mới giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho 1.716 doanh nghiệp, giảm 2,95% so với cùng kỳ, vốn các doanh nghiệp đăng ký đạt 14.260,9 tỷ đồng, giảm 9,33% so với cùng kỳ, bình quân khoảng 8,31 tỷ đồng/doanh nghiệp. Số doanh nghiệp thực tế hoạt động trên địa bàn tỉnh tại thời điểm 31/12/2020 là 11.868 doanh nghiệp, tăng 1.183 doanh nghiệp (+11,07%) so với năm 2019. Trong đó, doanh nghiệp nhà nước là 63 doanh nghiệp, giảm 04 doanh nghiệp (-5,97%); doanh nghiệp ngoài nhà nước là 11.755 doanh

nghiệp, tăng 1.186 doanh nghiệp (+11,22%); doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là 50 doanh nghiệp, tăng 01 doanh nghiệp (+2,04%).

Theo báo cáo tại phiên họp thường kỳ với các địa phương của UBND tỉnh Nghệ An, tính đến 6 tháng đầu năm, tổng sản phẩm nội tỉnh ước đạt 46.426 tỷ đồng, tăng 8,44% (kịch bản tăng trưởng đề ra 6 tháng đầu năm là 7,7-8,3%), đứng thứ 2 khu vực Bắc Trung Bộ và xếp thứ 18/63 tỉnh, thành phố. Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 1,126 tỷ USD, tăng 24,4% so với cùng kỳ và đạt 56,33% kế hoạch. Nghệ An cũng đã đón trên 4 triệu khách du lịch, tăng 137% so với cùng kỳ năm 2021. Thu ngân sách nhà nước ước thực hiện 10.100 tỷ đồng, đạt 67,4% dự toán. Thu hút đầu tư tiếp tục đạt được kết quả tích cực với tổng số vốn cấp mới và tăng thêm là 26.435 tỷ đồng, tăng so với cùng kỳ. Tính đến ngày 21/3, toàn tỉnh đã cấp mới cho 30 dự án với tổng số vốn đầu tư đăng ký hơn 2.652 tỷ đồng. Điều chỉnh 28 lượt dự án, trong đó, điều chỉnh tổng vốn đầu

tư 10 dự án (tăng hơn 12.262 tỷ đồng). Tổng số vốn cấp mới và tăng thêm là 14.914,65 tỷ đồng. Có 449 doanh nghiệp thành lập mới, tăng 2,2% so với cùng kỳ năm 2021 với tổng số vốn đăng ký thành lập 6.018,4 tỷ đồng. Trong quý có 449 doanh nghiệp thành lập mới, 374 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 7,4% so với cùng kỳ. Dân số trung bình của tỉnh Nghệ An ước đạt 3.409,8 nghìn người, đứng thứ 4 cả nước. Trong đó, lực lượng lao động có hơn 1,6 triệu người, hằng năm bổ sung hơn 30 nghìn người và đang ở trong thời kỳ “dân số vàng”, đây là lợi thế về nguồn lao động dồi dào nhưng cũng là thách thức khi giải quyết việc làm cho lao động. Ước 6 tháng đầu năm 2022, giải quyết việc làm cho 29.885 người (đạt 69,66% kế hoạch, tăng 72,5%).

Bảng 1. Phân phối lao động theo nghề nghiệp và vị thế việc làm tính đến 2020

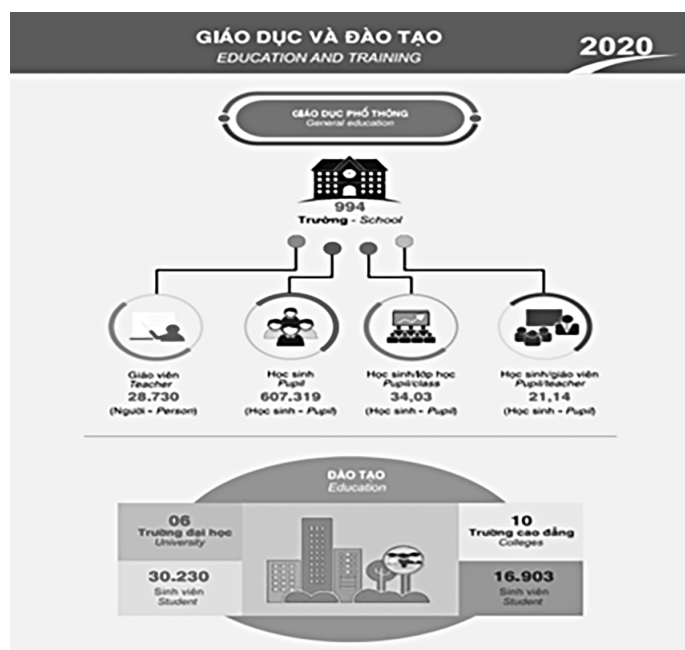
	2015	2017	2018	2019	2020
TỔNG SỐ - TOTAL	1.903,6	1.894,4	1.892,4	1.904,4	1.906,3
Phân theo nghề nghiệp - By occupation					
Nhà lãnh đạo - Leaders/managers	26,6	23,1	23,2	22,8	21,7
Chuyên môn kỹ thuật bậc cao - High level professionals	83,1	84,0	97,2	101,7	95,7
Chuyên môn kỹ thuật bậc trung - Mid-level professionals	51,1	50,1	63,6	49,3	54,6
Nhân viên - Clerks	15,6	20,5	15,6	23,2	14,6
Dịch vụ cá nhân, bảo vệ, bán hàng - Personal services, protective workers and sales worker	211,0	238,7	275,1	279,3	272,2
Nghề trong nông, lâm, ngư nghiệp - Skilled agricultural, forestry and fishery workers	118,2	57,2	35,5	29,6	76,3
Thợ thủ công và thợ khác có liên quan - Craft and related trade workers	203,6	291,7	322,2	313,8	342,7
Thợ lắp ráp và vận hành máy móc thiết bị - Plant and machine operators and assemblers	48,3	61,2	56,7	80,4	85,9
Nghề giản đơn - Unskilled occupations	1.143,2	1.053,0	999,8	1.001,0	940,2
Khác - Other	2,9	14,9	3,5	3,3	2,4
Phân theo vị thế việc làm - By status in employment					
Làm công ăn lương - Wage worker	535,6	658,8	642,9	700,1	703,3
Chủ cơ sở sản xuất kinh doanh - Employer	43,4	27,7	31,4	45,2	37,1
Tự làm - Own account worker	947,7	952,9	981,2	844,9	918,2
Lao động gia đình - Unpaid family worker	376,9	254,5	236,6	314,1	247,6
Xã viên hợp tác xã - Member of cooperative	-	0,5	0,3	0,1	0,1
Người học việc - Apprentice	-	-	-	-	-

- Nguồn: Niên giám thống kê Nghệ An năm 2020

Nhìn vào số liệu thống kê ta có thể thấy, tỉ lệ lao động là lãnh đạo và người lao động có chuyên môn kỹ thuật bậc cao chỉ chiếm tỉ trọng 6,15% so với tổng lao động đang làm việc, trong khi đó, con số này trung bình của cả nước là 9,03% (tính theo số liệu Niên giám thống kê Việt Nam năm 2021).

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Nghệ An có sự đầu tư nhất định cho giáo dục, chi cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề hàng năm năm sau có cao hơn năm trước, tỉ lệ chi cho giáo dục đào tạo trong tỉ trọng chi ngân sách năm 2020 là 15,94%.

Tính đến 2020, các số liệu về cơ sở giáo dục, đào tạo và người học như sau:



Nguồn: Infor Nghệ An, Niên giám thống kê Nghệ An năm 2020

Để đáp ứng yêu cầu của quá trình phát triển, trong những năm qua, Nhà nước đã đưa ra các chính sách, quy định liên quan đến phát triển nguồn nhân lực tương đối đầy đủ và ngày càng hoàn thiện, về luật có Bộ Luật lao động năm 2012, Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014, Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức sửa đổi năm 2019..., kèm theo đó là các văn bản hướng dẫn thi hành luật và các chính sách về phát triển nguồn nhân lực như Quyết định

số 146/QĐ-TTg ngày 28/1/2022 phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Bên cạnh hệ thống các văn bản chính sách thì bộ máy quản lý nhà nước về phát triển nguồn nhân lực cũng được kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động như: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Nội vụ; các bộ có chức năng quản lý nhà nước trong một số lĩnh vực chuyên ngành liên quan tới phát triển nguồn nhân lực đó như Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư; tất cả các bộ, ngành, địa phương trên cả nước đều có các cơ sở trực thuộc trực tiếp cung ứng dịch vụ công liên quan đến phát triển nguồn nhân lực trong phạm vi quản lý của mình.

Mới đây nhất, UBND tỉnh Nghệ An đã ban hành quyết định số 2124/QĐ-UBND, Quyết định phê duyệt Chiến lược phát triển bền vững giáo dục và đào tạo Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, với những mục tiêu quan trọng, trong đó có mục tiêu “Chú trọng phát triển chương trình giáo dục địa phương, chương trình nhà trường theo hướng hiện đại, hội nhập nhằm hình thành nguồn nhân lực phát huy điểm mạnh, cải thiện những điểm yếu của con người xứ Nghệ trong môi trường lao động chuyên nghiệp. Tập trung ưu tiên thúc đẩy nâng cao năng lực ngoại ngữ, tin học cho học sinh và người lao động; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội địa phương và tham

gia có uy tín vào thị trường lao động cả nước”. Với chiến lược này, tỉnh Nghệ An trong thời gian tới sẽ đẩy mạnh đầu tư cho công tác giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng dạy và học, để đáp ứng yêu cầu cho nguồn lực lao động phát triển tỉnh nhà.

3. Thực trạng hợp tác “cơ sở giáo dục - doanh nghiệp”

Hợp tác giữa đại học và doanh nghiệp đã được quan tâm từ nhiều năm trở lại đây. Các chủ trương và chỉ đạo của Đảng và Nhà nước khẳng định: các trường đại học phải là các trung tâm nghiên cứu khoa học - công nghệ, chuyển giao và ứng dụng công nghệ vào sản xuất và đời sống; thực hiện hợp tác chặt chẽ giữa các doanh nghiệp, cơ sở sử dụng lao động, cơ sở đào tạo và Nhà nước để phát triển nguồn nhân lực theo nhu cầu xã hội; coi doanh nghiệp là trung tâm của đổi mới ứng dụng và chuyển giao công nghệ, là nguồn nhu cầu quan trọng nhất của thị trường khoa học - công nghệ.

Theo báo cáo của Vụ Giáo dục đại học, Bộ Giáo dục và Đào tạo về một khảo sát vào tháng 6/2021, trong số 135 cơ sở giáo dục đại học có báo cáo gửi về thì 40,7% cơ sở đào tạo có hoạt động hợp tác với doanh nghiệp cả trong lĩnh vực công nghệ thông tin và các lĩnh vực khác; 44,4% có hợp tác trong các lĩnh vực khác; 8,1% có hợp tác trong lĩnh vực công nghệ thông tin và 6,7% không có hoạt động hợp tác nào với doanh nghiệp, tập trung chủ yếu vào các cơ sở đào tạo các khối ngành đặc thù thuộc lĩnh vực nghệ thuật.

Tổng số doanh nghiệp có hợp tác với 135 cơ sở giáo dục đại học được khảo sát là 6.126 doanh nghiệp, đạt tỉ lệ trung bình là 60 doanh nghiệp/cơ sở đào tạo. Gắn kết với doanh nghiệp, không chỉ dừng lại ở vấn đề tìm chỗ thực hành cho sinh viên hay xin học bổng, đa số các trường hiện nay

đang hướng tới việc giúp sinh viên có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp.

Kết quả khảo sát của Vụ Giáo dục đại học năm 2021 cũng cho biết, hoạt động hợp tác nổi bật nhất giữa trường đại học - doanh nghiệp trong đào tạo là hoạt động tiếp nhận sinh viên đến kiến tập/thực tập (gần 90%). Hoạt động hợp tác chiếm vị trí thứ 2 là tài trợ cho các hoạt động liên quan đến đào tạo và ngoại khóa bao gồm: trao học bổng sinh viên, tổ chức ngày hội việc làm, tuyển dụng sinh viên mới tốt nghiệp (gần 70%). Việc các doanh nghiệp tham gia góp ý cho chương trình đào tạo, tham gia giảng dạy dừng lại ở mức độ 30%.

Tuy nhiên, mối quan hệ giữa trường đại học - doanh nghiệp ở nước ta nhìn chung vẫn chủ yếu trong ngắn hạn, cả hai chủ thể chưa thực sự có nhu cầu bức thiết. Hệ sinh thái hợp tác giữa cơ sở giáo dục đại học với doanh nghiệp mới chỉ đang trên đường hình thành. Việc hợp tác giữa doanh nghiệp với nhà trường hiện nay cần có một số yếu tố cụ thể như sau: Tuyển dụng kỹ sư, thực tập sinh, du học: Tuyển chọn và đào tạo kỹ sư, cử nhân tốt nghiệp tham gia chương trình kỹ sư, chương trình thực tập sinh, du học và làm việc tại nước ngoài. Tuyển chọn và đào tạo các sinh viên đi theo chương trình Internship trong và ngoài nước. Đào tạo dự bị kỹ sư, cử nhân làm việc tại Nhật Bản, Hàn Quốc, CHLB Đức...: Tuyển chọn sinh viên năm 1, năm 2, năm 3, năm 4 trường đại học tham gia chương trình đào tạo kỹ sư, thực tập sinh định hướng làm việc tại nước ngoài đối với sinh viên có nguyện vọng. Tham gia vào quá trình đào tạo, xây dựng chương trình, đánh giá chuẩn đầu ra, tổ chức chương trình trải nghiệm

thực tế cho sinh viên các khối ngành khác nhau. Tư vấn, giới thiệu và hỗ trợ việc làm cho sinh viên tốt nghiệp tại các đơn vị, doanh nghiệp tuyển dụng trong nước. Triển khai các khóa huấn luyện tác phong, kỹ năng làm việc (Định hướng nghề nghiệp/ Kỹ năng 5S/ Kaizen/ Horenso/ Teamwork, kỹ năng xin việc...) theo tiêu chuẩn quốc tế cho sinh viên của bên B. Tổ chức hội thảo định hướng nghề nghiệp, tác phong, hệ thống kỹ năng làm việc, tuyển dụng và việc làm trong môi trường quốc tế cho sinh viên. Tổ chức hoạt động 5S vì môi trường, văn hóa giữa sinh viên và doanh nghiệp. Tổ chức cung cấp dịch vụ tiện ích thiết yếu cho sinh viên, cán bộ giảng viên, khách tại trường và bên ngoài trường. Phối hợp trong công tác tuyển sinh đại học chính quy tại các trường THPT. Đồng hành tham gia các sự kiện do 2 bên tổ chức: khai giảng, bế giảng, ngày hội việc làm. Tham gia vào quá trình đào tạo nghề và phối hợp, tổ chức thực hiện, đồng hành cùng nhà trường trong công tác chăm sóc sức khỏe, mô hình đào tạo khép kín để người học ra trường được nhà tuyển dụng trong và ngoài nước tiếp nhận, phải cử với mức thu nhập hàng ngàn USD.

4. Giải pháp nâng cao hợp tác “cơ sở giáo dục - doanh nghiệp” nhằm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Nghệ An

- Nâng cao nhận thức của cơ sở giáo dục và doanh nghiệp trong vấn đề hợp tác đào tạo, thông qua việc thay đổi nhận thức của các lãnh đạo doanh nghiệp và cơ sở giáo dục trong việc

tăng cường hợp tác nâng cao chất lượng đào tạo cho sinh viên, đồng thời các cơ sở giáo dục phải nhận thức được rằng để đào tạo ra được những sinh viên có năng lực tốt, nhanh nhạy, linh hoạt và đáp ứng được yêu cầu về chuyên môn của doanh nghiệp thì cần thiết phải bắt tay với doanh nghiệp xây dựng các chương trình đào tạo, phối hợp với doanh nghiệp cho sinh viên đến thực hành tại doanh nghiệp. Cùng với đó là các doanh nghiệp phải nhận thấy được lợi ích của việc hợp tác đào tạo với cơ sở giáo dục sẽ giúp cho doanh nghiệp tìm kiếm được những nhân viên thực sự có năng lực tốt.

- Hợp tác xây dựng mục tiêu, nội dung chương trình, đổi mới phương pháp đào tạo. Các doanh nghiệp cần tham gia đóng góp trong việc xây dựng mục tiêu, nội dung chương trình, đổi mới phương pháp đào tạo, giúp cơ sở giáo dục xây dựng được chương trình đào tạo chuẩn, nội dung đào tạo phù hợp với yêu cầu thực tế của doanh nghiệp. Trong rất nhiều yếu tố quyết định đến chất lượng đào tạo thì việc xây dựng kế hoạch, mục tiêu, chương trình đào tạo là một trong những yếu tố cơ bản nhất. Bước vào thời kỳ công nghiệp hóa và hiện đại hóa với nền kinh tế thị trường và xu thế toàn cầu hóa, chương trình đào tạo cần phải xây dựng theo hướng gắn với thị trường lao động, việc làm. Đó cũng là cơ sở cho việc thực hiện phương thức hợp tác đào tạo giữa cơ sở giáo dục và các doanh nghiệp.

- Hợp tác nhằm tăng cường nguồn nhân - tài - vật lực cho đào tạo. Nhằm giúp cho cơ sở giáo dục ngày càng nâng cao chất lượng đào tạo, phía doanh nghiệp sẽ có cơ hội tìm được nguồn lao động chất lượng cao, đáp ứng tốt nhu cầu phát triển. Như vậy, cơ sở giáo dục cần có sự hỗ trợ từ phía các doanh nghiệp, các tổ chức để đào tạo ra chính những con người sau này sẽ phục vụ cho doanh nghiệp. Về phía doanh nghiệp, hàng năm cũng nên trích ra một phần kinh phí nhất định để đầu tư cho công tác đào tạo của cơ sở giáo dục. Nguồn kinh phí này sẽ dùng để

mua sắm các trang thiết bị, biên soạn các tài liệu phục vụ công tác đào tạo, để việc hợp tác này phát huy hiệu quả và mang lại lợi ích cho cả 2 bên, cơ sở giáo dục và doanh nghiệp nên ký hợp đồng hoặc thỏa thuận song phương với nhau, trong đó quy định rõ trách nhiệm của các bên, đặc biệt quan tâm đến quyền lợi sử dụng lao động chất lượng cao của doanh nghiệp khi đầu tư cơ sở vật chất và tài chính cho cơ sở giáo dục.

- Hợp tác tổ chức quá trình đào tạo thông qua việc tăng cường cho sinh viên tiếp cận doanh nghiệp từ khi còn đang được đào tạo trong cơ sở giáo dục thông qua các đợt thực tập thực tế. Sinh viên rất hồ hởi đón nhận các đợt thực tập thực tế ngay cả khi họ phải đóng thêm kinh phí. Thời gian gần đây các khoa cũng có chú ý đến con đường này. Thực tế cũng thấy, lý do chính làm các đợt thực tập thực tế của sinh viên chưa có hiệu quả cao lại thường xuất phát từ sự thiếu nhiệt tình của các doanh nghiệp, nơi mà sinh viên đến thực tập. Thái độ trên của doanh nghiệp cũng là dễ hiểu, khi mà doanh nghiệp không tìm thấy lợi ích của mình từ những đợt đi thực tập thực tế của sinh viên. Các cơ sở giáo dục không thể chỉ dựa vào trách nhiệm của doanh nghiệp đối với thế hệ tương lai. Khi các chương trình đi thực tế của sinh viên thực sự mang lại lợi ích cho doanh nghiệp, hiệu quả của các đợt thực tập thực tế sẽ cao hơn rất nhiều. Đây là vướng mắc mà phải chính các doanh nghiệp chủ động đề xuất giải pháp cùng giải quyết với cơ sở giáo dục.

- Hợp tác về hoạt động sau đào tạo, theo đó, các cơ sở giáo dục và doanh nghiệp nên xây dựng hệ thống thông tin đào tạo qua hình thức thư thông tin (Newsletter) cập nhật các tin tức, sự kiện đã và sắp diễn ra ở đơn vị mình, để gửi tới những người quan tâm nhằm mục đích cung cấp thông tin, có thể được trình bày ở dạng văn bản điện tử, gửi đến các địa chỉ của người nhận qua thư điện tử (email). Thư thông tin dùng để gửi tới các tổ chức có thể nói là một giải

pháp hiệu quả cho việc trao đổi thông tin, tạo tiền đề cho việc xây dựng và phát triển các mối hợp tác. Các doanh nghiệp sử dụng thư thông tin để cung cấp thông tin về sản phẩm các hoạt động của mình, Xây dựng cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp bao gồm các thông tin về lĩnh vực hoạt động, loại hình tổ chức, số lượng nhân sự, khả năng phát triển và đặc biệt là địa chỉ liên hệ của các cán bộ có trách nhiệm liên quan, đó là một công cụ có hiệu quả cao với chi phí thấp./.

Tài liệu tham khảo:

1. Cục Thống kê Tỉnh Nghệ An, 2021, *Niên giám thống kê Nghệ An 2020*, Nxb Thống kê.
2. Tổng Cục Thống kê, 2021, *Niên giám thống kê Việt Nam 2021*, Nxb Thống kê.
3. UBND tỉnh Nghệ An, Quyết định số 2124/QĐ-UBND, Quyết định phê duyệt Chiến lược phát triển bền vững giáo dục và đào tạo Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
4. Nguyễn Văn Tùng (2021), Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0, *Tạp chí Tài chính*.
5. Đinh Văn Toàn (2016), Hợp tác đại học - doanh nghiệp trên thế giới và một số gợi ý cho Việt Nam, *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội*, Tập 32, Số 4.
6. Phạm Thị Thùy Trang, Bùi Thị Thúy, Nguyễn Thị Thu Thủy, Hoàng Trọng Hùng (2019), Hoạt động liên kết giữa Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế và doanh nghiệp, *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Kinh tế và Phát triển*, ISSN 2588-1205 Tập 128, Số 5A, 2019, Tr. 79-91.
7. Website: <https://kinhtevadubao.vn>; <https://tapchicongthuong.vn>.